

# MỘT SỐ ĐÁNH GIÁ BƯỚC ĐẦU VỀ HIỆU QUẢ GIẢI PHÁP KÍCH CẦU CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2009

PGS.TS ĐƯỜNG VINH SƯỜNG\*

**T**ừ cuối năm 2008 đến nay, kinh tế thế giới và nước ta đang đứng trước nhiều thách thức khốc liệt. Chính phủ các nước đã và đang có nhiều giải pháp nhằm đưa nền kinh tế ra khỏi khủng hoảng và kích thích nền kinh tế tăng trưởng. Theo giới phân tích dự báo năm 2009 tăng trưởng kinh tế thế giới giảm xuống còn 0,5%. Các nước Mỹ, EU, Nhật Bản có tốc độ tăng trưởng âm: Mỹ tăng trưởng: -1,6%, kinh tế khu vực đồng EUR tăng trưởng: -2%, Nhật Bản tăng trưởng -2,6%... Hàng loạt ngành sản xuất - kinh doanh bị đình đốn; hoạt động kinh doanh của nhiều tập đoàn kinh tế hàng đầu bị đình trệ, sự phá sản của hàng loạt ngân hàng và tổ chức tài chính lớn trên thế giới đã diễn ra... Trong vòng một năm qua, hàng xuất khẩu của Đài Loan giảm 42%, Nhật Bản giảm 35%, Hàn Quốc: 30%. Theo công bố gần đây của Bộ Tài chính Nhật Bản, xuất khẩu của Nhật Bản sang thị trường Mỹ quý I năm 2009 giảm 53%, sang EU giảm 47%. Dự kiến số người thất nghiệp năm 2009 sẽ tăng thêm 51 triệu người, làm cho toàn thế giới có tới 230 triệu người không có việc làm. Trong bối cảnh đó, chính phủ các nước đang tập trung sức lực vào ngăn chặn suy thoái để phục hồi kinh tế. Một trong những biện pháp được chính phủ các nước sử dụng là hàng loạt gói vốn khẩn cấp có giá trị lớn được sử dụng nhằm cứu nguy cho hệ thống ngân hàng, công nghiệp và an sinh xã hội. Qua các đợt, gói vốn khổng lồ của Chính phủ Mỹ đã lên đến 2.250 tỉ USD, Trung

Quốc 586 tỉ, các nước trong EU, Nhật Bản, Nga, Hàn Quốc... cũng đã nhanh chóng thông qua các gói vốn hỗ trợ cho ngân hàng và các ngành kinh tế giá trị hàng trăm tỉ USD...

Nền kinh tế Việt Nam hiện nay đang hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu của Việt Nam năm 2008 đạt 143,4 tỉ USD, bằng 1,65 lần GDP; trong đó, kim ngạch xuất khẩu đạt 62,68 tỉ USD, kim ngạch nhập khẩu đạt 81,71 tỉ USD. Nhiều sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam đứng hàng đầu thế giới như gạo, cà phê, hồ tiêu... Với 12 nhóm mặt hàng kim ngạch xuất khẩu đạt trên 1 tỉ USD/năm. Về nhập khẩu Việt Nam có 15 nhóm hàng kim ngạch nhập khẩu ở mức trên 1 tỉ USD/năm...; trong đó, nhóm xăng dầu, máy móc thiết bị có kim ngạch nhập khẩu trên 10 tỉ USD/năm... Chính vì vậy, suy giảm kinh tế thế giới sẽ có ảnh hưởng mạnh và ngày càng rõ rệt đến kinh tế nước ta. Theo tính toán của các nhà kinh tế Việt Nam, 6 tháng đầu năm 2009, giá trị xuất khẩu công nghiệp giảm 4,4% so với năm 2008. Tổng kim ngạch xuất khẩu quý I năm 2009 so với quý IV năm 2008 giảm 20,3%; trong đó, một số mặt hàng như thủy sản giảm 35,1%, cà phê giảm 21,7%, gạo giảm 38,4%, khách du lịch đến Việt Nam giảm 12%; tổng số vốn của các dự án được cấp giấy phép và vốn đăng kí tăng thêm chỉ bằng 11% so với cùng kì năm

\* Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

trước. Tốc độ tăng trưởng của Việt Nam từ 8,5% năm 2007 giảm xuống còn 6,2% năm 2008 và năm 2009 tiếp tục giảm xuống, dự báo chỉ ở mức 5,2%. Trước tình hình đó, Chính phủ đã xác định nhiệm vụ cấp bách và trọng tâm trong chỉ đạo điều hành vĩ mô năm 2009 là: “nỗ lực phấn đấu ngăn chặn suy giảm, tăng trưởng kinh tế, duy trì tăng trưởng và bảo đảm an sinh xã hội” với 5 nhóm giải pháp triển khai là:

- Tháo gỡ khó khăn để đẩy mạnh sản xuất kinh doanh và xuất khẩu;
- Huy động các nguồn lực để kích cầu đầu tư và tiêu dùng;
- Đẩy mạnh an sinh xã hội và xóa đói giảm nghèo;
- Thực hiện chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa tích cực và hiệu quả;
- Tập trung điều hành quyết liệt linh hoạt và phù hợp với thực tế tình hình.

Cuối tháng 01-2009, Chính phủ đã quyết định một gói kích cầu trị giá 17 nghìn tỉ đồng (1 tỉ USD) nhằm ngăn chặn đà suy giảm kinh tế hạn chế tình trạng thất nghiệp và cải thiện an sinh xã hội. Đây là một quyết định kịp thời, cần thiết. Tuy nhiên, liệu những giải pháp cụ thể của gói kích cầu có bảo đảm “đúng” và “trúng” để mang lại hiệu quả như mong muốn?

Gói kích cầu 1 tỉ USD đầu tiên được đề xuất dùng chủ yếu vào việc hỗ trợ lãi suất vay ngân hàng cho các dự án phát triển được ưu tiên; trong đó, có phát triển cơ sở hạ tầng (50% giá trị gói kích cầu), cho nông nghiệp và nông thôn (25%), phát triển nhà ở cho người có thu nhập thấp (5%) và cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ (20%). Gói kích cầu của Chính phủ được thực hiện trên 4 trụ cột chính là: kích cầu đầu tư của doanh nghiệp (I), tiêu dùng của dân cư (C), chi tiêu của Chính phủ (G) và xuất, nhập khẩu (NX) (*xem sơ đồ cuối bài*).

Giải pháp kích cầu trên của Chính phủ đã từng bước ngăn chặn suy giảm kinh tế,

duy trì được tốc độ tăng trưởng hợp lý và bền vững. Tốc độ tăng trưởng GDP quý I năm 2009 là 3,14%, quý II là 4,46%, quý III tăng 5,76% và quý IV dự báo tăng 6,8%, cả năm dự báo tăng khoảng 5,2%, vượt mục tiêu Quốc hội đề ra; trong đó, ước tính khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng gần 2%, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng trên 5% khu vực dịch vụ tăng trên 6%...

Sản xuất công nghiệp và xây dựng phục hồi khá nhanh và nhờ các chính sách hỗ trợ sản xuất như: hỗ trợ lãi suất tín dụng, miễn, giảm thuế, khuyến khích xuất khẩu. Ngành công nghiệp liên tục có tốc độ tăng trưởng khá, đến tháng 10 đạt tăng trưởng 11,9% so với cùng kì, gần bằng mức tăng của các năm trước.

Giá trị sản xuất toàn ngành nông - lâm - ngư nghiệp 9 tháng đầu năm tăng trưởng 6% so với cùng kì năm trước. Sản lượng lương thực vụ đông xuân vượt mức của năm trước 0,3%.

Khu vực dịch vụ vẫn duy trì mức tăng trưởng khá cao, giá trị tăng thêm đạt tốc độ tăng trưởng 5,1% trong quý I; 5,7% trong quý II và 6,8% trong quý III, dự báo cả năm đạt 6,5%. Nhờ thực hiện tốt các chính sách kích cầu đầu tư và tiêu dùng, hoạt động thương mại, dịch vụ nội địa đạt kết quả khá. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 10 tháng đầu năm tăng 18% so với cùng kì năm 2008.

Các cân đối thu, chi ngân sách nhà nước, tiền tệ, cán cân thanh toán quốc tế... được bảo đảm, lạm phát được kim chế ở mức thấp. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 10-2009 so với tháng 12-2008 chỉ tăng 4,49%, cùng với việc hỗ trợ lãi suất 4%/năm vừa tạo thuận lợi giúp cho doanh nghiệp giảm bớt khó khăn, phục hồi sản xuất, vừa hỗ trợ cho việc phát triển ổn định và an toàn của hệ thống các tổ chức tín dụng. Việc bổ sung thêm các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, trái phiếu chính phủ cùng với các chính sách hỗ trợ lãi suất, kích cầu

đầu tư của Nhà nước đã khuyến khích các thành phần kinh tế bỏ vốn đầu tư, kinh doanh, nhờ đó huy động được nhiều nguồn vốn cho phát triển nền kinh tế trong điều kiện rất khó khăn; góp phần quan trọng để ngăn chặn suy giảm kinh tế; tạo thêm việc làm, tăng thu nhập.

Các chính sách an sinh xã hội đã góp phần bảo đảm đời sống nhân dân, nhất là đối với người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, các vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa... Các chính sách kích thích kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội tiếp tục hướng vào xóa đói, giảm nghèo, hỗ trợ người dân khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh... Cùng với quá trình phục hồi nền kinh tế, nhất là trong công nghiệp và xây dựng, nhu cầu tuyển dụng lao động tăng nhanh, tạo điều kiện thu hút số lao động dôi dư trong suy giảm kinh tế thời gian qua, tỉ lệ hộ nghèo đến cuối năm còn khoảng 11% vượt kế hoạch đề ra.

Việc thực hiện chính sách kích cầu của Chính phủ đã phần nào ngăn chặn được đà suy giảm kinh tế. Tuy nhiên, xét về hiệu quả của gói chính sách kích cầu, chúng ta cũng nhận thấy một số vấn đề sau đây:

*Một là*, biện pháp hỗ trợ 4% lãi suất trong quá trình giải ngân đang còn gặp một số trở ngại: *trước hết*, thị trường của các ngành xuất khẩu lớn của Việt Nam như dệt may, da giày, đồ gỗ... đang thu hẹp nhiều, nên các doanh nghiệp trong các ngành hàng này hầu như không mặn mà gì đối với các khoản vay này; *hai là*, các khoản vay được hỗ trợ lãi suất chỉ cho vay bằng đồng Việt Nam, nên sau khi vay, các doanh nghiệp này lại phải chuyển các khoản vay đó sang ngoại tệ, như vậy họ lại phải chịu rủi ro về tỉ giá hối đoái; *ba là*, chỉ có các doanh nghiệp có tình hình tài chính tốt mới được tiếp cận nguồn vốn này; *bốn là*, vấn đề dáo nợ của các doanh nghiệp đang còn nhiều bất cập, vì rất nhiều doanh nghiệp vẫn còn các khoản vay với lãi suất cao; *năm là*, Quyết định số 131/2009/QĐ-

TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức và cá nhân vay vốn ngân hàng để sản xuất - kinh doanh và Thông tư số 02/2009/TT-NH ngày 03-02-2009 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg thì đến cuối năm 2009 sẽ bồi hoàn 80% các khoản hỗ trợ 4% lãi suất cho vay của các ngân hàng, còn lại 20% sẽ bồi hoàn sau khi có thanh tra, kiểm tra. Vì vậy, các ngân hàng đều lo ngại là Chính phủ sẽ trừ đi luôn khoản 20% này vào các khoản thuế mà ngân hàng phải nộp cho Nhà nước. Như vậy, có thể nhận thấy gói hỗ trợ lãi suất sẽ phải nhằm đúng đối tượng mà Chính phủ hướng tới và đối tượng lẽ ra nên được hưởng hỗ trợ thì lại không tiếp cận được các khoản hỗ trợ, còn các đối tượng không cần thì lại được hưởng hỗ trợ. Trên thực tế, Chính phủ chủ trương giới hạn các tổ chức tín dụng cung ứng vốn tín dụng được hỗ trợ 4%/năm chỉ áp dụng đối với các khoản cho vay của Ngân hàng thương mại (Quỹ tín dụng Trung ương) còn khách hàng vay vốn của các công ty tài chính (Quỹ tín dụng Nhân dân cơ sở; Ngân hàng Chính sách Xã hội) thì không được hưởng. Nhưng trong thực tế hiện đang có khá nhiều doanh nghiệp, hộ gia đình vay vốn của các tổ chức tín dụng nói trên đang chuyển sang vay vốn các Ngân hàng thương mại để được hỗ trợ 4% lãi suất. Do vậy, các tổ chức tín dụng này sẽ mất khách hàng, đó là một bất lợi trong cạnh tranh, làm hạn chế tính hiệu quả chính sách kích cầu của Chính phủ. Theo tính toán của Ngân hàng Nhà nước, dư nợ năm 2009 chỉ tăng 2,67% có nghĩa là vòng quay vay - trả; trả - vay đã được đẩy nhanh hơn. Như vậy, vốn ra khỏi ngân hàng nhanh và cũng trở về ngân hàng nhanh thì mục tiêu kích cầu sẽ không thực hiện được.

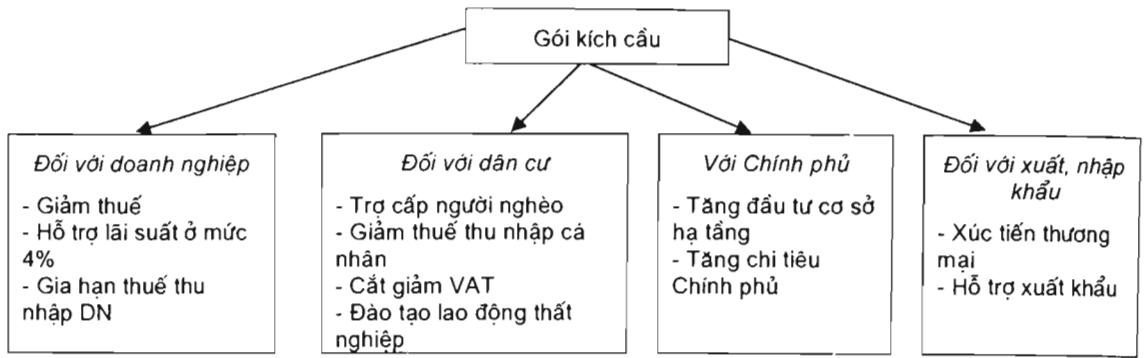
*Hai là*, thực tế cho thấy, gói kích cầu của Chính phủ Việt Nam dường như chỉ chú trọng đến kích cung chứ không phải

đến kích cầu tiêu dùng. Vừa qua (năm 2009), Chính phủ đã nâng mức lương tối thiểu lên 650.000 đồng là để kích cầu, nhưng kịch bản này đã được dự kiến từ trước khi nền kinh tế Việt Nam phải đối đầu với suy thoái. Chính phủ giới hạn đối tượng được hỗ trợ lãi suất chỉ bao gồm các doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân vay vốn đầu tư sản xuất - kinh doanh. Đó là những đối tượng trực tiếp tạo ra sản phẩm, trực tiếp tạo ra tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm cho người lao động. Còn các trường hợp cho vay tiêu dùng, vay đời sống, kinh doanh bất động sản, kinh doanh chứng khoán, khai thác khoáng sản... thì không thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ lãi suất 4%/năm. Một vấn đề nữa cũng rất đáng quan tâm là trên thực tế triển khai chính sách này, một số hộ gia đình ở cả nông thôn và thành thị vay vốn tiêu dùng để sử dụng vào việc mua ô tô vận tải, mua xe máy, mua ô tô con... nhưng thực tế lại sử dụng số tiền vay đó vào mục đích sản xuất - kinh doanh, vận tải vật tư hàng hóa, chở khách, khai thác đá, cát, sỏi cho thi công xây dựng công trình giao thông, xây dựng nhà... thì lại không được hỗ trợ lãi suất.

Ba là, xuất khẩu của Việt Nam phụ thuộc nhiều vào các thị trường lớn như Mỹ, EU, Nhật Bản, nên mục tiêu tăng cường xuất khẩu sẽ khó thực hiện nếu các thị trường này chưa được phục hồi. Trong khi đó, nhập siêu của chúng ta lại chủ yếu nhập từ Trung Quốc. Khi các thị trường xuất khẩu của chúng ta giảm dần thì xu hướng hàng Trung Quốc tràn vào thị trường Việt Nam sẽ gia tăng. Đây là một áp lực lớn đối với sản xuất trong nước. Thực tế, sức cạnh tranh của hàng Việt Nam kém hàng Trung Quốc nên kích cầu của chúng ta trong điều kiện đó là vô cùng khó khăn và có thể lại là kích cầu đối với hàng hóa Trung Quốc và như vậy nếu không có định hướng và giải pháp tốt thì đối tượng được ưu đãi kích cầu chủ yếu lại là hàng

Trung Quốc. Đây là vấn đề mà chúng ta cần phải xem xét một cách hết sức nghiêm túc. Trên thực tế, mới chỉ có 20% doanh nghiệp được thụ hưởng từ gói kích cầu là không bình đẳng. Việc hỗ trợ lãi suất ở khu vực nông thôn không được như mong muốn là vì nhiều nguyên nhân; trong đó, có nguyên nhân từ thủ tục phức tạp, từ việc ngân hàng hạn chế tỉ lệ dư nợ...

Một vấn đề cần phải được đặc biệt quan tâm là sự phối hợp nhịp nhàng chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ; trong đó, tài chính nhà nước và chính sách tài khóa, đứng vị trí chủ đạo đối với kích cầu. Nới lỏng chính sách tài khóa đã dẫn đến hệ quả trực tiếp là bội chi ngân sách lên đến 6,9% GDP chưa tính đến các khoản chi từ nguồn trái phiếu chính phủ, các khoản Chính phủ vay về cho doanh nghiệp vay lại. Nợ của Chính phủ cũng tăng mạnh từ 36,4% GDP năm 2008 lên đến 40% GDP năm 2009 và năm 2010 dự kiến khoảng 44% GDP. Kết quả tổng hợp của gói kích cầu thứ nhất đã góp phần tích cực vào tăng trưởng kinh tế, quý sau cao hơn quý trước, dự kiến quý IV tăng 6,8% và cả năm đạt mục tiêu năm 5-5,2%. Trong khi kim ngạch xuất khẩu giảm 11% so với dự kiến, tổng vốn đầu tư vẫn tăng 14,4%; trong đó, vốn đầu tư nhà nước tăng tới 45,5%, vốn ngoài nhà nước tăng 12,6%, nhưng vốn đầu tư nước ngoài lại giảm 11,2% so với năm 2008. Dự tính tổng vốn đầu tư cả năm 2009 lên tới 42,2% GDP. Như vậy, gói kích thích kinh tế năm 2009 đã góp phần giải quyết một số vấn đề trước mắt về tăng trưởng và ổn định kinh tế vĩ mô trong năm 2009 nhưng những hệ quả tiêu cực mà nó để lại là tương đối dài cả đối với khả năng tăng trưởng bền vững cũng như khả năng ổn định kinh tế vĩ mô. Chính vì vậy, cần hết sức thận trọng khi quyết định triển khai các biện pháp kích thích kinh tế cho năm 2010 và các năm tiếp theo.



Tài liệu tham khảo:

1. Các báo cáo kinh tế - xã hội.
2. Các bản tin tuần của văn phòng Trung ương Đảng.
3. Thời báo kinh tế Việt Nam các số 18, 29, 34, 35, 36, 41, 47, 50, 52, 54.

\* \* \* \* \*

## WTO VỚI VAI TRÒ THÚC ĐẨY CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH...

*(Tiếp theo trang 10)*

- Thay đổi cách tư duy trong việc xây dựng chính sách và điều hành quản lý nhà nước theo hướng từ trực tiếp, hành chính sang quản lý gián tiếp qua luật pháp, các chính sách và công cụ vĩ mô.

- Đảm bảo cân đối cán cân thương mại và nâng cao khả năng cạnh tranh của nền kinh tế trên cả ba cấp độ: nhà nước, DN và sản phẩm.

- Thực hiện tốt các cam kết WTO về pháp luật và chính sách, về lộ trình cắt giảm thuế, mở cửa thị trường và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, cải cách DNNN.

- Thực hiện chính sách khuyến khích phát triển kinh tế đi đôi với việc đảm bảo an sinh xã hội và xóa đói giảm nghèo. Có kế hoạch và chương trình hành động cụ thể để thực hiện cam kết và đảm bảo cải cách mạnh mẽ.

- Tiếp tục đàm phán để được công nhận là nước có nền kinh tế thị trường nhằm hạn chế bị phân biệt đối xử của kinh tế phi thị trường.

- Tăng cường công tác giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

đáp ứng yêu cầu đổi mới và hội nhập.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính công theo hướng gọn nhẹ, đồng bộ, công khai, minh bạch và hiệu lực cao.

- Tiếp tục phát huy và bảo đảm tinh thần độc lập, tự chủ, tự cường, với phương châm chủ động hiệu quả và linh hoạt

Tài liệu tham khảo

1. Thirwall, A.P., 2006. Growth and Development: with special reference to developing economies, MacMillan, London.

2. Thời báo kinh tế Việt Nam, 2009. Tăng trưởng kinh tế bền vững, số 11(2633), 13-01-2009.

3. Ngân hàng Thế giới, Báo cáo phát triển Việt Nam, 2004, 2005, 2006 và 2007.

4. Ngô Ngọc Bửu, 2005, Cải cách hành chính để gia nhập WTO: Vấn đề cấp bách của Việt Nam hiện nay, Tạp chí Phát triển kinh tế số 04-2005.

5. Lê Hồng Hạnh, Phát triển doanh nghiệp trong bối cảnh Việt Nam gia nhập WTO, Tạp chí Pháp luật năm 2007.

6. VCCI, 2007, Hội nhập WTO: Chương trình hành động của Chính phủ, Tài liệu hội thảo.

7. Hà Quang Ngọc, Cải cách hành chính từ khi Việt Nam gia nhập WTO đến nay, Tạp chí Cộng sản số 3 (171) năm 2009.

8. Thông tin tham khảo từ: [www.wto.org](http://www.wto.org)